TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:*** Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai, trực tiếp vụ án thụ lý số: 1036/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Nhà số 02 ngõ số 35 hẻm số 02 kiệt 44 đường Lê Ngô Cát, phường Thuỷ Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 01/02 đường Trương Định, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Xuân H sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được sự đồng ý của 2 bên gia đình tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương; tiến hành đăng ký kết hôn ngày

05/6/2007 tại Ủy ban Nhân dân phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại phường Phú Hội, thành phố Huế. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, vợ chồng hỗ trợ nhau trong tìm kiếm việc làm và sinh được 02 người con chung.

Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do ông Lê Xuân H thường xuyên đi sớm về muộn; không chăm sóc con chung, để một mình bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chăm sóc con và lo quán xuyến mọi việc trong gia đình; 3 năm trở lại đây thường xuyên không đưa tiền về nuôi các con chung; nợ ngoài xã hội, tiền bạc trong gia đình không rõ ràng nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ H cùng 02 người con chung có nhà riêng, sinh sống tại địa chỉ hiện nay. Còn ông Lê Xuân H về sinh sống chung với cha mẹ mình phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông Lê Xuân H cũng có đến thăm con, có bàn đến chuyện vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng bà Nguyễn Thị Mỹ H không đồng ý vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ H kiên quyết yêu cầu Tòa án Nhân dân thành phố Huế giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Xuân Nhật N, sinh ngày 30/9/2007 và Lê Nguyễn Diệp Ch, sinh ngày 11/02/2013. Hiện 02 người con chung đang sống với bà Nguyễn Thị Mỹ H. Bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi). Yêu cầu ông Lê Xuân H có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng (02 người con chung một tháng 5.000.000 đồng) vì hiện nay ông Lê Xuân H có công việc trong Cơ quan Nhà nước, thu nhập bình quân một tháng khoảng 17.000.000 đồng; thời điểm cấp dưỡng là kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 người con chung đều đến tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị Mỹ H thừa nhận trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông Lê Xuân H vẫn gửi tiền để nuôi 02 người con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 29/12/2023 gửi cho Toà án thông qua dịch vụ bưu chính, ông Lê Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Xuân H không đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H vì con chung còn nhỏ, việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dạy, chăm sóc con chung; con chung sẽ thiếu tình yêu thương của cha. Ông Lê Xuân H nhiều lần khuyên nhủ bà Nguyễn Thị Mỹ H không nên ly hôn vì vợ chồng cần sống chung để nuôi con chung, dạy dỗ, chăm sóc con chung. Ông Lê Xuân H đề nghị Toà án khuyên bảo bà Nguyễn Thị Mỹ H không nên ly hôn vì ông Lê Xuân H không muốn thấy cảnh gia đình chia tay sẽ ảnh hưởng đến con chung sau này. Tuy nhiên, nếu bà Nguyễn Thị Mỹ H suy nghĩ

không thấu đáo, không lường trước được tương lai xảy ra đối với các con, kiên quyết ly hôn thì ông Lê Xuân H đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Xuân Nhật N, sinh ngày 30/9/2007 và Lê Nguyễn Diệp Ch, sinh ngày 11/02/2013.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi) và yêu cầu ông Lê Xuân H có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng (02 người con chung một tháng 5.000.000 đồng) đến tuổi trưởng thành thì ông Lê Xuân H không đồng ý vì khi bán nhà tại số 52 đường Nguyễn Công Trứ được 4,3 tỷ đồng thì bà Nguyễn Thị Mỹ H đã lấy 2 tỷ đồng để mua nhà đứng tên riêng và dành quyền nuôi con chung thì phải chịu trách nhiệm về tài chính để nuôi con; ông Lê Xuân H không chịu trách nhiệm pháp lý về tài chính để nuôi con vì ông Lê Xuân H phải dành dụm tiền để mua nhà. Việc hỗ trợ tài chính để nuôi con là trách nhiệm, lương tâm của ông Lê Xuân H đối với con chung nên đề nghị Toà án không đưa nội dung hỗ trợ tài chính nuôi con để giải quyết trong vụ án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Ông Lê Xuân H không trình bày trong đơn của mình.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H; bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Xuân H.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Xuân Nhật N, sinh ngày 30/9/2007 và Lê Nguyễn Diệp Ch, sinh ngày 11/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi). Buộc ông Lê Xuân H phải có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng (02 người con chung x 2.500.000 đồng = 5.000.000 đồng/1 tháng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 người con chung đều đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; buộc ông Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện ông Lê Xuân H cư trú tại phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Huế.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Xuân H đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Lê Xuân H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Lê Xuân H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007 tại Ủy ban Nhân dân phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sinh sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Sau một thời gian sinh sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân như quan điểm sống khác nhau, không hợp tính tình; mâu thuẫn trong chi tiêu sinh hoạt gia đình, chỗ ở chung của gia đình; vợ chồng không tin tưởng nhau trong chi tiêu, quản lý tài chính gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân, ông Lê Xuân H mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành nên không đồng ý ly hôn; còn bà Nguyễn Thị Mỹ H qua nhiều lần Toà án làm việc và cho thời gian suy nghĩ, nhưng bà Nguyên Thị Mỹ Hạnh cho rằng vợ chồng không thể sống hoà thuận được với nhau được nữa mong muốn ly hôn ông Lê Xuân H.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát, vun đắp từ phía cả 2 vợ chồng; nhưng hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau; mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Xuân H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Xuân Nhật N, sinh ngày 30/9/2007 và Lê Nguyễn Diệp Ch, sinh ngày 11/02/2013 đang sống với bà Nguyễn Thị Mỹ H và đi học ổn định tại địa phương. Qua việc lấy ý kiến của cháu Lê Xuân Nhật N và cháu Lê Nguyễn Diệp Ch đều có nguyện vọng

sống với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Mỹ H nên để bảo đảm điều kiện tốt nhất về chỗ ở, chỗ học; Hội đồng xét xử giao 02 người con chung cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo đến tuổi trưởng thành theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi người con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ông Lê Xuân H có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng, nhưng ông Lê Xuân H không đồng ý, cho rằng bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nhận 2 tỷ đồng từ việc bán tài sản 4,3 tỷ đồng nên phải có nghĩa vụ nuôi 02 người con chung và vợ chồng đã thoả thuận việc này, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh; bà Nguyễn Thị Mỹ H chỉ thừa nhận vợ chồng có thoả thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ông Lê Xuân H nhận 2,3 tỷ đồng, bà Nguyễn Thị Mỹ H nhận 2 tỷ đồng; không liên quan gì đến nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, cha mẹ đều có nghĩa vụ và quyền ngang nhau đối với con chung. Hiện nay 02 người con chung của ông Lê Xuân H và bà Nguyễn Thị Mỹ H đang trong độ tuổi ăn học; bà Nguyễn Thị Mỹ H có công việc và thu nhập một tháng khoảng 15.000.000 đồng; ông Lê Xuân H có công việc, thu nhập theo xác nhận của Cơ quan nơi ông Lê Xuân H công tác tính đến tháng 12/2023 là 17.875.503 đồng nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H là phù hợp với mức sống tại địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Lê Xuân H có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, theo đó: 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng (02 người con chung x 2.500.000 đồng = 5.000.000 đồng/01 tháng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 người con chung đều đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi) theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; buộc ông Lê Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Huế, đương sự phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án Nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H; bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Xuân H.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Xuân Nhật N, sinh ngày 30/9/2007 và Lê Nguyễn Diệp Ch, sinh ngày 11/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi); buộc ông Lê Xuân H có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi 02 người con chung, theo đó: 01 người con chung một tháng 2.500.000 đồng (02 người con chung x 2.500.000 đồng = 5.000.000 đồng/01 tháng), kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 người con chung đều đến tuổi trưởng thành (Đều đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền cấp dưỡng nuôi người con chung) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001381 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Lê Xuân H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi người con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lê Xuân H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TpHuế;
- Chi cục THADS TpHuế;
- UBND phường Vĩnh Ninh, TpHuế;
(Đăng ký kết hôn ngày 05/6/2007);
- Đương sự;
- Lưu Toà dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Ly